

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Trần Minh Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Văn Công Á, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phạm Liễu Q, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Văn Công Á trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2003 được sự đồng ý của gia đình hai bên ông và bà Phạm Liễu Q làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống và có hai đứa con nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng trong sinh hoạt và chuyện tính toán làm ăn; vợ chồng không có sự quan tâm nhường nhịn nhau nên vợ chồng đã ly thân. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Liễu Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Văn Đình Tr, sinh ngày 24/12/2003 và Văn Thị Tuyết V, sinh ngày 30/10/2007. Hiện Văn Đình Tr đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết. Đối với Văn Thị Tuyết V đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn bà Phạm Liễu Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông Văn Công Á trình bày. Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống do đó ông Á yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông Á.

Về con chung: Có 02 con chung tên Văn Đình Tr, sinh ngày 24/12/2003 và Văn Thị Tuyết V, sinh ngày 30/10/2007. Hiện Văn Đình Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Văn Thị Tuyết V hiện nay đang đi làm không có ở địa phương nhưng khi con có về là về nhà cùng sống chung với ông Á. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung để ông Á trực tiếp nuôi dưỡng nhưng bà vẫn yêu cầu được thăm nom, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu trong vụ án này mà để lại để ông Á lo cho con, nếu sau này ông Á không lo được cho con thì bà sẽ yêu cầu chia tài sản sau.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận ông Văn Công Á và bà Phạm Liễu Q là vợ chồng; giao con chung tên Văn Thị Tuyết V cho ông Á tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Công Á và bà Phạm Liễu Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông Á và bà Q không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Văn Công Á với bà Phạm Liễu Q là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ông Văn Công Á và bà Phạm Liễu Q xác định có 02 người con chung tên Văn Đình Tr, sinh ngày 24/12/2003 và Văn Thị Tuyết V, sinh ngày 30/10/2007, ông Á yêu cầu nuôi con. Xét thấy con chung Văn Đình Tr đã trưởng thành, ông Á và bà Q đều xác định con chung Đình Trí có khả năng lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Văn Thị Tuyết V hiện do ông Á nuôi dưỡng, bà Q đồng ý giao con chung Tuyết Vân cho ông Á nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Văn Thị Tuyết V, sinh ngày 30/10/2007 cho ông Văn Công Á tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Q không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

Ông Á không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Á xác định không có tài sản chung. Bà Q xác định quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu trong vụ án này mà để lại để ông Á lo cho con, nếu sau này ông Á không lo được cho con thì bà sẽ yêu cầu chia tài sản sau nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Ông Văn Công Á, bà Phạm Liễu Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Văn Công Á phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Văn Công Â và bà Phạm Liễu Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Văn Thị Tuyết V sinh ngày 30/10/2007 cho ông Văn Công Â tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Q không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Văn Công Â phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Văn Công Â đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010607 ngày 13/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi